

Bản án số: 45/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 08/7/2024

V/v: "ly hôn"

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NINH PHƯỚC, TỈNH NINH THUẬN

**-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**  
**Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa:** Bà Dương Thị Xuân Thủy.  
**Các Hội thẩm nhân dân:**

- Bà Lê Thị Hương.
- Bà Mai Thị Huyền Trang.

**-Thư ký phiên tòa:** Bà Lương Nữ Vân Kiều-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận.

**-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Phước tham gia phiên tòa:**  
Bà Trần Thị Mai Lan-Kiểm sát viên.

Ngày 08/7/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ninh Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 19/2024/TLST-HNGĐ, ngày 15/01/2024 về việc "ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/6/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 38/2024/QĐHNGĐ-ST ngày 21/6/2024 giữa các đương sự:

**-Nguyên đơn:** Bà **Thái Thị P** –sinh năm:1978 (có mặt)

**-Bị đơn:** Ông **Trần Đình H** – sinh năm 1968 (vắng mặt)

Cùng trú tại: **Thôn P, xã P, huyện N, Ninh Thuận.**

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn bà **Thái Thị P** trình bày: Bà và ông **Trần Đình H** chung sống với nhau từ năm 1994, đến năm 1998 mới làm thủ tục đăng ký kết hôn tại **UBND phường P-Phan Rang T-Ninh Thuận**. Sau khi cưới vợ chồng làm ăn sinh sống tại **thôn P, xã P, huyện N** cho đến nay. Trong những năm đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến năm 2013 thì vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã do bất đồng quan điểm sống, ông **H** không quan tâm đến vợ con. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng tăng nên vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay, không quan tâm đến nhau. Tình cảm vợ chồng không còn, hạnh phúc gia đình không có, nên bà yêu cầu được ly hôn với ông **H**.

Về con chung có 04 người con gồm: **Trần Thị Kim Á**-sinh năm 1995, **Trần Thái S**-sinh năm 1997, **Trần Thị Thúy Q**-sinh năm 1999, **Trần Thái D**-sinh năm 2001. Hiện các con đều đã trưởng thành, lao động tự túc được nên bà không có ý kiến gì về con chung khi Tòa án giải quyết việc ly hôn. Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

**Bị đơn ông Trần Đình H:** Vắng mặt từ khi Tòa án thụ lý hồ sơ cho đến phiên tòa xét xử, nên không có lời trình bày.

Chính quyền địa phương thôn P, xã P, huyện N-nơi bà P, ông H sinh sống xác nhận: Quá trình bà P và ông H chung sống không hợp nhau, hai người này sống ly thân nhiều năm không qua lại với nhau.

Đại diện Viện kiểm sát huyện N phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Về tố tụng: kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử (HĐXX) nghị án, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân và thư ký phiên tòa luôn tuân theo pháp luật tố tụng; Nguyên đơn luôn chấp hành pháp luật. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng Tòa án đã thực hiện tổng đạt thủ tục tố tụng theo quy định và xét xử vắng mặt bị đơn là đúng pháp luật. Về nội dung: đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về hôn nhân bà Thái Thị P được ly hôn với ông Trần Đình H. Các con chung đã trưởng thành. Tài sản chung, nợ chung không yêu cầu giải quyết. Về án phí bà P phải chịu theo pháp luật.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên. HĐXX sơ thẩm nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: bà Thái Thị P có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn ông Trần Đình H. Đơn kiện đảm bảo về nội dung, hình thức. Bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn huyện N. Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của BLTTDS, HĐXX xác định đây là vụ án Dân sự loại Hôn nhân gia đình về việc “ly hôn” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận.

Đối với bị đơn ông Trần Đình H vắng mặt trong suốt quá trình từ khi thụ lý vụ án, tiến hành phiên hòa giải, đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng theo quy định của BLTTDS, nhưng bị đơn vẫn cố tình vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 BLTTDS, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Thái Thị P và ông Trần Đình H tự nguyện chung sống, có giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 47 quyền số 01 ngày 02/6/1998 tại Ủy ban nhân dân phường P-Phan Rang T-Ninh Thuận, nên xác định là hôn nhân hợp pháp. Quá trình vợ chồng chung sống phát sinh mâu thuẫn không hợp nhau. Vợ chồng đã sống ly thân từ nhiều năm, không quan tâm gì đến nhau.

Xét thấy, hôn nhân của giữa bà P và ông H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình, HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà P.

[3] Về con chung: Các con chung đã trưởng thành, lao động tự túc được nên HĐXX không xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà P không yêu cầu nên HĐXX không xét.

[5] Căn cứ vào những phân tích trên, xét thấy quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Phước là phù hợp với nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

[6] Về án phí: bà P phải chịu án phí theo pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điểm a, b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

2. Về hôn nhân: Bà Thái Thị P được ly hôn với ông Trần Đình H.

3. Về con chung: Các con chung đã trưởng thành và lao động tự túc được.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

5. Về án phí: Bà Thái Thị P phải chịu 300.000<sup>d</sup> (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn nhưng được trừ vào số tiền 300.000<sup>d</sup> (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001090 ngày 15/01/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ninh Phước. Bà Thái Thị P đã nộp đủ án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm có mặt nguyên đơn-quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Vắng mặt bị đơn-quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày niêm yết bản án hoặc tổng đạt hợp lệ bản án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện Ninh Phước;
- Chi cục THADS huyện Ninh Phước;
- Các đương sự;
- UBND xã Phước Hậu-Ninh Phước;
- Lưu (hồ sơ, án văn).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Dương Thị Xuân Thủy**